



Mộc Châu, ngày 6 tháng 5 năm 2024

TÓM TẮT ĐỀ ÁN
**THÀNH LẬP THỊ XÃ MỘC CHÂU VÀ SẮP XẾP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH
CHÍNH CẤP XÃ CỦA HUYỆN MỘC CHÂU ĐỂ THÀNH LẬP CÁC
PHƯỜNG, XÃ THUỘC THỊ XÃ MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA**

**I. KHÁI QUÁT VỀ CHỦ TRƯỞNG SẮP XẾP, THÀNH LẬP ĐƠN VỊ
HÀNH CHÍNH**

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025; xác định rõ mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể của việc sắp xếp đơn vị hành chính, khuyến khích địa phương thực hiện nhập đơn vị hành chính để tạo đột phá, động lực cho việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, trong đó có tỉnh Sơn La nói chung. Ngày 29/8/2023, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Sơn La đã ban hành Chỉ thị số 32-CT/TU về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La, trong đó: giai đoạn 2023-2025: Tỉnh Sơn La phải hoàn thành việc sắp xếp đối với các đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện bắt buộc sắp xếp, gồm có 03 thị trấn của các huyện: Phù Yên, Thuận Châu, Yên Châu. Cùng với đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã cho chủ trương khuyến khích sắp xếp, nâng cấp, mở rộng, thành lập đơn vị hành chính đô thị, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương, trong đó có việc thành lập thị xã Mộc Châu và sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của huyện Mộc Châu để thành lập các phường, xã thuộc thị xã Mộc Châu.

Việc thành lập thị xã Mộc Châu thuộc tỉnh Sơn La trên cơ sở nguyên trạng huyện Mộc Châu và sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của huyện Mộc

Châu để thành lập các phường, xã thuộc thị xã Mộc Châu là cần thiết, phù hợp với các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý nhà nước, khai thác tối đa động lực của kinh tế đô thị, các tiềm năng và thế mạnh của Mộc Châu, góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của tỉnh Sơn La; giúp chính quyền từ huyện đến cơ sở tháo gỡ kịp thời những điểm nghẽn, nút thắt khiến Mộc Châu chưa phát triển đúng tiềm năng, lợi thế, đặc biệt là lĩnh vực quy hoạch, quản lý đất đai, trật tự xây dựng và hạ tầng đô thị, môi trường, thông tin liên lạc, cảnh quan môi trường. Tăng cường và củng cố hơn nữa vị thế chiến lược trong thế trận phòng thủ, bảo đảm an ninh trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn, đặc biệt là khu vực phòng thủ phía Tây Bắc của tổ quốc, đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững của đô thị vì mục tiêu ngày càng nâng cao chất lượng, điều kiện sống cho người dân trên địa bàn; đáp ứng nguyện vọng chính đáng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trên địa bàn tỉnh Sơn La nói chung và huyện Mộc Châu nói riêng. Đối chiếu với các tiêu chuẩn, tiêu chí quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì huyện Mộc Châu đã đảm bảo đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn của thị xã thuộc tỉnh theo quy định./.

II. HIỆN TRẠNG ĐVHC CÁC CẤP CỦA HUYỆN MỘC CHÂU

1. Huyện Mộc Châu

- Huyện Mộc Châu là ĐVHC nông thôn thuộc khu vực miền núi, vùng cao, có trên 30% dân số là người dân tộc thiểu số ở miền núi và có đường biên giới quốc gia với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

- Diện tích tự nhiên: 1.072,09 km² (đạt 126,13% so với tiêu chuẩn);

- Quy mô dân số: 148.259 người (đạt 463,31% so với tiêu chuẩn); trong đó: số dân là người dân tộc thiểu số: 76.971 người, chiếm tỷ lệ 51,92%.

- Số ĐVHC cấp xã trực thuộc: 15 đơn vị (2 thị trấn và 13 xã).

2. Hiện trạng các ĐVHC cấp xã của huyện Mộc Châu

(1) Thị trấn Mộc Châu: là ĐVHC đô thị thuộc khu vực miền núi, vùng cao; Diện tích tự nhiên 14,25 km² (đạt 101,79% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 18.883 người (đạt 472,08% so với tiêu chuẩn), trong đó: số dân là người dân tộc thiểu số 2.169 người, chiếm tỷ lệ 11,49%.

(2) Thị trấn Nông Trường Mộc Châu: là ĐVHC đô thị thuộc khu vực miền núi, vùng cao; Diện tích tự nhiên 108,40 km² (đạt 779,29% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 39.056 người (đạt 976,40% so với tiêu chuẩn), trong đó: số dân là người dân tộc thiểu số 8.187 người, chiếm tỷ lệ 20,96%.

(3) Xã Phiêng Luông: là ĐVHC nông thôn thuộc khu vực miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người dân tộc thiểu số; Diện tích tự nhiên 30,15 km² (đạt 60,30% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 4.798 người (đạt 383,84% so với tiêu chuẩn), trong đó: số dân là người dân tộc thiểu số 3.868 người, chiếm tỷ lệ 80,62%.

(4) Xã Đông Sang: là ĐVHC nông thôn thuộc khu vực miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người dân tộc thiểu số; Diện tích tự nhiên 42,72 km² (đạt 85,44% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 9.288 người (đạt 464,40% so với tiêu chuẩn), trong đó: số dân là người dân tộc thiểu số 4.764 người, chiếm tỷ lệ 51,29%.

(5) Xã Mường Sang: là ĐVHC nông thôn thuộc khu vực miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người dân tộc thiểu số; Diện tích tự nhiên 91,01 km² (đạt 182,02% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 11.996 người (đạt 479,84% so với tiêu chuẩn), trong đó: số dân là người dân tộc thiểu số 4.291 người, chiếm tỷ lệ 35,77%.

(6) Xã Hua Păng: là ĐVHC nông thôn thuộc khu vực miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người dân tộc thiểu số; Diện tích tự nhiên 61,67 km² (đạt 123,34% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 5.209 người (đạt 520,90% so với tiêu chuẩn), trong đó: số dân là người dân tộc thiểu số 4.978 người, chiếm tỷ lệ 95,57%.

(7) Xã Tân Lập: là ĐVHC nông thôn thuộc khu vực miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người dân tộc thiểu số; Diện tích tự nhiên 93,79 km² (đạt 187,58% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 11.947 người (đạt 955,76% so với tiêu chuẩn), trong đó: số dân là người dân tộc thiểu số 9.765 người, chiếm tỷ lệ 81,74%.

(8) Xã Tân Hợp: là ĐVHC nông thôn thuộc khu vực miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người dân tộc thiểu số; Diện tích tự nhiên 99,00 km² (đạt 197,98% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 6.463 người (đạt 646,30% so với tiêu chuẩn), trong đó: số dân là người dân tộc thiểu số 6.298 người, chiếm tỷ lệ 97,45%.

(9) Xã Quy Hướng: là ĐVHC nông thôn thuộc khu vực miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người dân tộc thiểu số; Diện tích tự nhiên 73,22 km² (đạt 146,44% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 4.275 người (đạt 427,50% so với tiêu chuẩn), trong đó: số dân là người dân tộc thiểu số 4.197 người, chiếm tỷ lệ 98,18%.

(10) Xã Nà Mường: là ĐVHC nông thôn thuộc khu vực miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người dân tộc thiểu số; Diện tích tự nhiên 42,30 km² (đạt 84,60% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 4.748 người (đạt 379,84% so với tiêu chuẩn), trong đó: số dân là người dân tộc thiểu số 4.034 người, chiếm tỷ lệ 84,96%.

(11) Xã Tà Lại: là ĐVHC nông thôn thuộc khu vực miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người dân tộc thiểu số; Diện tích tự nhiên 27,49 km² (đạt 54,98% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 3.879 người (đạt 387,90% so với tiêu chuẩn), trong đó: số dân là người dân tộc thiểu số 3.702 người, chiếm tỷ lệ 95,44%.

(12) Xã Chiềng Hắc: là ĐVHC nông thôn thuộc khu vực miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người dân tộc thiểu số; Diện tích tự nhiên 102,81 km² (đạt 205,62% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 8.213 người (đạt 547,53% so với tiêu chuẩn), trong đó: số dân là người dân tộc thiểu số 6.237 người, chiếm tỷ lệ 75,94%.

(13) Xã Chiềng Khà: là ĐVHC nông thôn thuộc khu vực miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người dân tộc thiểu số; Diện tích tự nhiên 83,98 km² (đạt 167,96% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 3.970 người (đạt 397,00% so với tiêu chuẩn), trong đó: số dân là người dân tộc thiểu số 3.841 người, chiếm tỷ lệ 96,75%.

(14) Xã Chiềng Sơn: là ĐVHC nông thôn thuộc khu vực miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người dân tộc thiểu số; Diện tích tự nhiên 91,89 km² (đạt 183,78% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 9.870 người (đạt 493,50% so với tiêu chuẩn), trong đó: số dân là người dân tộc thiểu số 5.260 người, chiếm tỷ lệ 53,29%.

(15) Xã Lóng Sập: là ĐVHC nông thôn thuộc khu vực miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người dân tộc thiểu số; Diện tích tự nhiên 109,41 km² (đạt 218,82% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 5.664 người (đạt 566,40% so với tiêu chuẩn), trong đó: số dân là người dân tộc thiểu số 5.380 người, chiếm tỷ lệ 94,99%.

III. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ XÃ MỘC CHÂU VÀ SẮP XẾP CÁC ĐVHC CẤP XÃ CỦA HUYỆN MỘC CHÂU ĐỂ THÀNH LẬP CÁC XÃ, PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ MỘC CHÂU

1. Phương án thành lập thị xã Mộc Châu

Thành lập thị xã Mộc Châu trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 1.072,09 km² và quy mô dân số 148.259 người của huyện Mộc Châu.

2. Phương án thành lập, sắp xếp các ĐVHC cấp xã thuộc thị xã Mộc Châu

2.1. Thành lập phường Mộc Ly trên cơ sở một phần diện tích tự nhiên 7,03 km² và quy mô dân số 8.546 người của thị trấn Mộc Châu.

2.2. Thành lập phường Mộc Sơn trên cơ sở một phần diện tích tự nhiên 7,22 km² và quy mô dân số 10.337 người của thị trấn Mộc Châu.

2.3. Thành lập phường Bình Minh trên cơ sở một phần diện tích tự nhiên 16,85 km² và quy mô dân số 8.667 người của thị trấn Nông Trường Mộc Châu.

2.4. Thành lập phường Thảo Nguyên trên cơ sở một phần diện tích tự nhiên 17,02 km² và quy mô dân số 14.803 người của thị trấn Nông Trường Mộc Châu.

2.5. Thành lập phường Cờ Đỏ trên cơ sở một phần diện tích tự nhiên 36,07 km² và quy mô dân số 10.030 người của thị trấn Nông Trường Mộc Châu.

2.6. Thành lập phường Vân Sơn trên cơ sở một phần diện tích tự nhiên 6,19 km², quy mô dân số 5.556 người của thị trấn Nông Trường Mộc Châu và một phần diện tích tự nhiên 16,57 km², quy mô dân số 4.798 người của xã Phiêng Luông.

2.7. Thành lập phường Đông Sang trên cơ sở một phần diện tích tự nhiên 30,66 km² và 9.288 người của xã Đông Sang.

2.8. Thành lập phường Mường Sang trên cơ sở một phần diện tích tự nhiên 20,66 km² và quy mô dân số 11.495 người của xã Mường Sang.

2.9. Thành lập xã Chiềng Chung trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 61,67 km², quy mô dân số 5.209 người của xã Hua Păng; một phần diện tích tự nhiên 13,58 km² của xã Phiêng Luông và một phần diện tích tự nhiên 22,40 km² của thị trấn Nông Trường Mộc Châu.

2.10. Thành lập xã Tân Yên trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 93,79 km², quy mô dân số 11.947 người của xã Tân Lập và toàn bộ diện tích tự nhiên 99 km², quy mô dân số 6.463 người của xã Tân Hợp.

2.11. Thành lập xã Đoàn Kết trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 73,22 km², quy mô dân số 4.275 người của xã Quy Hướng; toàn bộ diện tích tự nhiên 42,30 km², quy mô dân số 4.748 người của xã Nà Mường và toàn bộ diện tích tự nhiên 27,49 km², quy mô dân số 3.879 người của xã Tà Lại.

2.12. Nhập, điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 9,87 km² của thị trấn Nông Trường Mộc Châu và một phần diện tích tự nhiên 27,25 km² của xã Mường Sang vào xã Chiềng Hắc.

2.13. Nhập, điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 17,91 km² của xã Mường Sang vào xã Chiềng Khừa.

2.14. Nhập, điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 12,06 km² của xã Đông Sang và một phần diện tích tự nhiên 25,19 km², quy mô dân số 501 người của xã Mường Sang vào xã Chiềng Sơn.

2.15. Giữ nguyên diện tích tự nhiên 109,41 km² và quy mô dân số 5.664 người của xã Lóng Sập.

IV. KẾT QUẢ SAU KHI THÀNH LẬP THỊ XÃ MỘC CHÂU VÀ SẮP XẾP, THÀNH LẬP CÁC ĐVHC THUỘC THỊ XÃ MỘC CHÂU

1. Thị xã Mộc Châu

Thị xã Mộc Châu dự kiến thành lập đã **đạt 04/05** tiêu chuẩn của thị xã theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính*); còn **01/05** tiêu chuẩn về Phân loại đô thị loại IV đang triển khai thực hiện đồng thời với Đề án thành lập thị xã Mộc Châu và sắp xếp các ĐVHC cấp xã của huyện Mộc Châu để thành lập các xã, phường thuộc thị xã Mộc Châu (*dự kiến đạt*), cụ thể:

(1) Diện tích tự nhiên: 1.072,09 km² (*đạt 536,05% so với tiêu chuẩn*): **Đạt**

(2) Quy mô dân số: 148.259 người (*đạt 296,52% so với tiêu chuẩn*): **Đạt**

(3) Đơn vị hành chính trực thuộc: 15 đơn vị (*08 phường, 07 xã*), trong đó tỷ lệ số phường trên tổng số ĐVHC cấp xã từ 50% trở lên: **Đạt**

(4) Phân loại đô thị: UBND tỉnh đang tham mưu thực hiện quy trình trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định công nhận đô thị loại IV đối với thị xã Mộc Châu (theo đánh giá sơ bộ đã đạt tiêu chuẩn của đô thị loại IV): **Dự kiến đạt**

(5) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội: **Đạt**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư (Thu: 1.152,21; Chi: 1.063,02)	Đạt
2	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước	Lần	0,7	0,87	Đạt
3	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của tỉnh (4,26%)	7,41	Đạt
4	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của tỉnh (15,70%)	4,26	Đạt
5	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế ¹	%	52,5%	53,49	Đạt
6	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thị ²	%	52,5%	71,15	Đạt

2. Các Phường thuộc thị xã Mộc Châu

Các phường dự kiến thành lập thuộc thị xã Mộc Châu đã **đạt 3/4 tiêu chuẩn** của phường theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính (gồm: quy mô dân số, diện tích tự nhiên, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội); còn **01 tiêu chuẩn** về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đang triển khai lập Báo cáo đánh giá để trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định công nhận (theo đánh giá sơ bộ đã đạt 13/13 tiêu chuẩn theo Bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15), cụ thể như sau:

2.1. Phường Mộc Lỵ

(1) Quy mô dân số 8.546 người (đạt 341,84% so với tiêu chuẩn): **Đạt**

(2) Diện tích tự nhiên 7,03 km² (đạt 127,82% so với tiêu chuẩn): **Đạt**

(3) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội: **Đạt**

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư (Thu: 10,73; Chi: 10,33)	Đạt

¹ Áp dụng quy định tại Khoản 1 Điều 9a Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính: “Đơn vị hành chính đô thị ở miền núi, vùng cao hoặc có đường biên giới quốc gia thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội bằng 70% mức quy định đối với đơn vị hành chính đô thị tương ứng”.

² Áp dụng quy định tại Khoản 1 Điều 9a Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Thực trạng	Đánh giá
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 3 năm gần nhất (2021 - 2023)	%	Đạt bình quân của huyện (4,26%)	0,18	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp ³	%	49	81,67	Đạt

(4) Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị: đang triển khai lập Báo cáo đánh giá để trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định công nhận *(theo đánh giá sơ bộ đã đạt 13/13 tiêu chuẩn theo Bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)*: **Dự kiến đạt.**

2.2. Phường Mộc Sơn

(1) Quy mô dân số 10.337 người *(đạt 413,48% so với tiêu chuẩn)*: **Đạt**

(2) Diện tích tự nhiên 7,22 km² *(đạt 131,27% so với tiêu chuẩn)*: **Đạt**

(3) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội: **Đạt**

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư (Thu: 11,35; Chi: 10,94)	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 3 năm gần nhất (2021 - 2023)	%	Đạt bình quân của huyện (4,26%)	0,05	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	49	83,13	Đạt

(4) Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị: đang triển khai lập Báo cáo đánh giá để trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định công nhận *(theo đánh giá sơ bộ đã đạt 13/13 tiêu chuẩn theo Bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)*: **Dự kiến đạt.**

2.3. Phường Bình Minh

(1) Quy mô dân số 8.667 người *(đạt 346,68% so với tiêu chuẩn)*: **Đạt**

(2) Diện tích tự nhiên 16,85 km² *(đạt 306,36% so với tiêu chuẩn)*: **Đạt**

(3) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội: **Đạt**

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư (Thu: 6,41; Chi: 6,36)	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 3 năm gần nhất (2021 - 2023)	%	Đạt bình quân của huyện (4,26%)	0,02	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	49	74,25	Đạt

³ Áp dụng quy định tại Khoản 1 Điều 9a Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

(4) Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị: đang triển khai lập Báo cáo đánh giá để trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định công nhận *(theo đánh giá sơ bộ đã đạt 13/13 tiêu chuẩn theo Bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)*: **Dự kiến đạt.**

2.4. Phường Thảo Nguyên

(1) Quy mô dân số 14.803 người *(đạt 592,12% so với tiêu chuẩn)*: **Đạt**

(2) Diện tích tự nhiên 17,02 km² *(đạt 309,45% so với tiêu chuẩn)*: **Đạt**

(3) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội: **Đạt**

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư (Thu: 7,11; Chi: 7,04)	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 3 năm gần nhất (2021-2023)	%	Đạt bình quân của huyện (4,26%)	0,02	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	49	72,12	Đạt

(4) Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị: UBND tỉnh đang triển khai lập Báo cáo đánh giá để trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định công nhận *(theo đánh giá sơ bộ đã đạt 13/13 tiêu chuẩn theo Bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)*: **Dự kiến đạt**

2.5. Phường Cờ Đỏ

(1) Quy mô dân số 10.030 người *(đạt 401,2% so với tiêu chuẩn)*: **Đạt**

(2) Diện tích tự nhiên 36,07 km² *(đạt 655,82% so với tiêu chuẩn)*: **Đạt**

(3) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội: **Đạt**

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư (Thu: 3,40; Chi: 3,36)	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 3 năm gần nhất (2021 - 2023)	%	Đạt bình quân của huyện (4,26%)	0,60	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	49	70,79	Đạt

(4) Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị: đang triển khai lập Báo cáo đánh giá để trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định công nhận *(theo đánh giá sơ bộ đã đạt 13/13 tiêu chuẩn theo Bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)*: **Dự kiến đạt**

2.6. Phường Vân Sơn

(1) Quy mô dân số 10.354 người *(đạt 414,16% so với tiêu chuẩn)*: **Đạt**

(2) Diện tích tự nhiên 22,76 km² (đạt 413,82% so với tiêu chuẩn): **Đạt**

(3) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội: **Đạt**

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư (Thu: 7,38; Chi: 7,36)	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 3 năm gần nhất (2021-2023)	%	Đạt bình quân của huyện (4,26%)	0,78	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	49	62,80	Đạt

(4) Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị: UBND tỉnh đang triển khai lập Báo cáo đánh giá để trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định công nhận (theo đánh giá sơ bộ đã đạt 13/13 tiêu chuẩn theo Bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15): **Dự kiến đạt**

2.7. Phường Đông Sang

(1) Quy mô dân số 9.288 người (đạt 371,52% so với tiêu chuẩn): **Đạt**

(2) Diện tích tự nhiên 30,66 km² (đạt 557,45% so với tiêu chuẩn): **Đạt**

(3) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội: **Đạt**

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư (Thu: 8,88; Chi: 8,61)	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 3 năm gần nhất (2020 - 2022)	%	Đạt bình quân của huyện (4,26%)	5,11 ⁴	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	49	60,89	Đạt

(4) Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị: đang triển khai lập Báo cáo đánh giá để trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định công nhận (theo đánh giá sơ bộ đã đạt 13/13 tiêu chuẩn theo Bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15): **Dự kiến đạt**.

2.8. Phường Mường Sang

(1) Quy mô dân số 11.495 người (đạt 459,8% so với tiêu chuẩn): **Đạt**

(2) Diện tích tự nhiên 20,66 km² (đạt 375,64% so với tiêu chuẩn): **Đạt**

⁴ Áp dụng quy định tại Khoản 1 Điều 9a Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

(3) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội: **Đạt**

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư (Thu: 8,17; Chi: 7,57)	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 3 năm gần nhất (2021-2023)	%	Đạt bình quân của huyện (4,26%)	0,49	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	49	60,41	Đạt

(4) Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị: đang triển khai lập Báo cáo đánh giá đề trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định công nhận *(theo đánh giá sơ bộ đã đạt 13/13 tiêu chuẩn theo Bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)*: **Dự kiến đạt.**

3. Các xã thuộc thị xã Mộc Châu

Các xã dự kiến hình thành sau sắp xếp đều đã đảm bảo đạt 02/02 tiêu chuẩn *(diện tích tự nhiên và quy mô dân số)* của xã theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, cụ thể như sau:

3.1. Xã Chiềng Chung

(1) Quy mô dân số 5.209 người *(đạt 520,90% so với tiêu chuẩn)*, số dân là người dân tộc thiểu số 4.978 người, chiếm tỷ lệ 95,57%: **Đạt**

(2) Diện tích tự nhiên 97,65 km² *(đạt 195,30% so với tiêu chuẩn)*: **Đạt**

3.2. Xã Tân Yên

(1) Quy mô dân số 18.410 người *(đạt 1.472,80% so với tiêu chuẩn)*, số dân là người dân tộc thiểu số 16.063 người, chiếm tỷ lệ 87,25%: **Đạt**

(2) Diện tích tự nhiên 192,79 km² *(đạt 385,58% so với tiêu chuẩn)*: **Đạt**

3.3. Xã Đoàn Kết

(1) Quy mô dân số 12.902 người *(đạt 1.290,20% so với tiêu chuẩn)*, số dân là người dân tộc thiểu số 11.933 người, chiếm tỷ lệ 92,49%: **Đạt**

(2) Diện tích tự nhiên 143,01 km² *(đạt 286,02% so với tiêu chuẩn)*: **Đạt**

3.4. Xã Chiềng Hắc

(1) Quy mô dân số 8.213 người *(đạt 547,53% so với tiêu chuẩn)*, số dân là người dân tộc thiểu số 6.237 người, chiếm tỷ lệ 75,94%: **Đạt**

(2) Diện tích tự nhiên 139,93 km² *(đạt 279,86% so với tiêu chuẩn)*: **Đạt**

3.5. Xã Chiềng Khừa

(1) Quy mô dân số 3.970 người *(đạt 397% so với tiêu chuẩn)*, số dân là người dân tộc thiểu số 3.841 người, chiếm tỷ lệ 96,75%: **Đạt**

(2) Diện tích tự nhiên 101,89 km² (đạt 203,78% so với tiêu chuẩn): **Đạt**

3.6. Xã Chiềng Sơn

(1) Quy mô dân số 10.371 người (đạt 518,55% so với tiêu chuẩn), số dân là người dân tộc thiểu số 5.743 người, chiếm tỷ lệ 55,38%: **Đạt**

(2) Diện tích tự nhiên 129,14 km² (đạt 258,28% so với tiêu chuẩn): **Đạt**

3.7. Xã Lóng Sập

(1) Quy mô dân số 5.664 người (đạt 566,40% so với tiêu chuẩn), số dân là người dân tộc thiểu số 5.380 người, chiếm tỷ lệ 94,99%: **Đạt**

(2) Diện tích tự nhiên 109,41 km² (đạt 218,82% so với tiêu chuẩn): **Đạt**

4. Số lượng ĐVHC cấp xã của thị xã Mộc Châu sau khi thành lập

- Số lượng ĐVHC cấp xã trước khi thành lập: **15 đơn vị (02 thị trấn và 13 xã)**
- Số lượng ĐVHC cấp xã sau khi thành lập: **15 đơn vị (08 phường và 07 xã)**
- Số lượng ĐVHC cấp xã giảm do sắp xếp: không.

V. KẾT LUẬN

Qua nhiều năm phấn đấu, được sự quan tâm đầu tư của Trung ương, của Tỉnh và sự nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Mộc Châu trong việc phát huy mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, tập trung xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, việc cải tạo chỉnh trang đô thị được đẩy mạnh, chất lượng cuộc sống của người dân ngày càng được cải thiện và nâng cao. Việc thành lập thị xã Mộc Châu có ý nghĩa quan trọng về mặt chính trị, đánh dấu bước phát triển vượt bậc của tỉnh Sơn La nói chung và huyện Mộc Châu nói riêng. Tạo động lực để Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Mộc Châu tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, tinh thần cần cù, sáng tạo trong lao động, sản xuất của địa phương; góp phần tăng cường, củng cố quốc phòng - an ninh trên địa bàn có tốc độ phát triển và đô thị hóa mạnh mẽ của tỉnh Sơn La nói riêng và vùng trung du và miền núi Bắc Bộ nói chung trong thời gian qua.

Việc thành lập thị xã Mộc Châu và sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của huyện Mộc Châu để thành lập các phường, xã thuộc thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La là thực sự cần thiết, là nhu cầu khách quan, phù hợp với hiện trạng phát triển và tốc độ đô thị hóa của huyện Mộc Châu trong thời gian qua, tạo cơ sở pháp lý cho việc thiết lập tổ chức chính quyền phù hợp, tạo tiền đề cho Mộc Châu hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý hành chính Nhà nước; phù hợp với nguyên tắc, yêu cầu sắp xếp, tổ chức, tăng quy mô đơn vị hành chính; góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của tổ chức chính trị, quản lý chính quyền cơ sở; cơ cấu và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; phát huy tiềm năng, nội lực, hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; phù hợp với các chủ trương, Luật Tổ chức chính quyền địa phương; tiêu chuẩn đơn vị hành chính quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15; Nghị quyết

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030, Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030, Quy hoạch chung đô thị Mộc Châu và các định hướng quy hoạch các cấp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Quá trình tổ chức lập Đề án thành lập thị xã Mộc Châu và sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của huyện Mộc Châu để thành lập các phường, xã thuộc thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La đảm bảo khách quan, dân chủ, công khai, minh bạch; trình tự, thủ tục đúng quy định của pháp luật; việc xác định tên gọi của đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp, lựa chọn vị trí đặt công sở, các chế độ, chính sách đặc thù,... khi thực hiện phương án sắp xếp đã được các địa phương, đơn vị tập trung tuyên truyền, triển khai sâu rộng, tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn tỉnh Sơn La nói chung và huyện Mộc Châu nói riêng.

Kết quả sau khi thành lập thị xã Mộc Châu và sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của huyện Mộc Châu để thành lập các phường, xã thuộc thị xã Mộc Châu, tỉnh thực hiện đúng nguyên tắc theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030. Sau khi hoàn thành sắp xếp, các đơn vị hành chính có liên quan đều đảm bảo tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định; đảm bảo các yếu tố đặc thù về truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán, giao dịch hành chính của công dân, ổn định tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, quản lý của chính quyền, bố trí cán bộ, công chức, viên chức; đảm bảo đúng định hướng quy hoạch, chất lượng đô thị theo Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; tạo lập cơ sở pháp lý cho các công tác quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh nói chung và các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trực thuộc nói riêng; gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, đồng thời củng cố vững chắc khu vực phòng thủ biên giới phía Tây Bắc của tổ quốc; bảo đảm sự đồng thuận của nhân dân trên địa bàn. Việc sắp xếp đơn vị hành cấp xã tuy có làm ảnh hưởng cuộc sống của người dân trong thời gian đầu nhưng với truyền thống đoàn kết dân tộc, lịch sử, văn hóa của địa phương nên đời sống của người dân sẽ sớm ổn định và tiếp tục phát triển trong thời kỳ mới, vì mục tiêu ngày càng nâng cao chất lượng, điều kiện sống cho người dân trên địa bàn; đáp ứng nguyện vọng thiết tha của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trên địa bàn tỉnh Sơn La nói chung và huyện Mộc Châu nói riêng./.
